

BIẾN ĐỔI NGHI LỄ VÒNG ĐỜI CỦA DÂN TỘC CHỨT Ở BẮC TRUNG BỘ HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MẠNH

Dân tộc Chứt bao gồm các nhóm Rục, Sách, A rem, Mày và Mã liêng, phân bố chủ yếu ở ba huyện vùng núi Tây Bắc tỉnh Quảng Bình là Tuyên Hóa, Minh Hóa, Bố Trạch với dân số tính đến năm 2008 có khoảng 6.000 người. Nếu tính theo các nhóm, Sách có: 2.655 người, Rục: 437 người, Arem: 156 người, Mày: 1.163 người, Mã liêng: 1.027 người (Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình, 2008, tr. 14-16) và gần 1.000 người ở Hương Khê, Hà Tĩnh. Đây được coi là một tộc người mà việc nghiên cứu và hiểu biết về nó chưa nhiều. Trước năm 1945, chúng ta chỉ biết đến dân tộc Chứt qua những trang mô tả sơ lược của L. Cadiere (1905). Đến những năm 70 của thế kỷ XX, các công trình của Phạm Đức Dương và Hà Văn Tấn (1978), Nguyễn Phú Phong và Trần Chí Dồi (1988) cũng chỉ đề cập đến vấn đề ngôn ngữ tiền Việt - Mường của dân tộc này. Về mặt văn hoá, các công trình của Tạ Long (1978), Nguyễn Văn Mạnh (1996), Võ Xuân Trang... đã đóng góp những tư liệu bước đầu phục vụ công tác xác định thành phần và hiểu biết hơn về tộc người Chứt. Tuy nhiên, những nghiên cứu về văn hoá truyền thống và biến đổi của nó trong xã hội hiện nay ở tộc người này vẫn còn rất khiêm tốn.

Trong những năm gần đây, do tác động của kinh tế thị trường, biến động dân cư và

hôn nhân khác tộc... đã làm cho văn hóa truyền thống của các nhóm người Chứt ngày càng có xu hướng biến đổi về nhiều mặt, trong đó đáng chú ý là các nghi lễ vòng đời. Là một thành tố quan trọng của văn hóa tộc người, nghi lễ này thường lưu lại những chặng đường trưởng thành của mỗi cá nhân, “như hình thành trong bào thai mẹ và được sinh ra, tuổi thanh xuân và lễ thành niên, hôn ước và lễ cưới, chết và tang” (Vũ Minh Chi, 2004, tr. 315). Có thể nói, nghiên cứu nghi lễ vòng đời là nghiên cứu văn hóa tộc người, nhất là về lĩnh vực kinh nghiệm và tri thức tộc người. Trải qua thời gian, những nghi lễ đó có nhiều khía cạnh được duy trì nhưng cũng có yếu tố biến đổi theo xu hướng thích nghi, phù hợp với xã hội mới và có thể có một số mặt sẽ bị mất đi. Tuy nhiên, bất kỳ hiện tượng nào trong quá trình biến đổi cũng đều thể hiện hai xu hướng tích cực và tiêu cực, do đó, biến đổi nghi lễ vòng đời cũng nằm trong khả năng ấy. Như vậy, sẽ là công việc hết sức có ý nghĩa khi nghiên cứu về sự biến đổi nghi lễ vòng đời trên cơ sở giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc, đồng thời loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp và tiếp nhận những cái mới để làm phong phú thêm các giá trị truyền thống trong xã hội hiện đại. Đây chính là mục đích của bài viết này.

1. Thực trạng biến đổi nghi lễ vòng đời

Cũng như các tộc người khác trên đất nước ta, nghi lễ vòng đời ở dân tộc Chứt về cơ bản trải qua các lễ nghi chính là: mang thai, sinh đẻ, hôn nhân, tang ma. Trong các nghi lễ đó, tồn tại nhiều tập tục mang nặng hình thức tín ngưỡng, như tổ chức cúng tế trong sinh đẻ, tang ma... những Tabu (cấm kỵ) về máu của người phụ nữ, nhất là những kiêng kỵ trong quá trình sinh đẻ. Trong những năm gần đây, nghi lễ vòng đời truyền thống ở dân tộc Chứt vùng Bắc Trung Bộ vẫn tồn tại nhưng đã có nhiều đổi mới theo xu hướng tích cực. Tuy nhiên, cũng có không ít sự biến đổi thể hiện một số khía cạnh không bình thường, phần nào làm cho nét đẹp văn hóa truyền thống về nghi lễ vòng đời của đồng bào bị xói mòn, pha tạp, tức mất đi yếu tố tộc người.

1.1. Nghi lễ liên quan đến sinh đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh

Cho đến nay, việc chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh ở dân tộc Chứt về cơ bản có những nghi lễ chính sau đây:

- Một số nhóm người Chứt như Arem và Mày, khi phụ nữ có thai thường mời thầy (*Pơ Riêng*) về cúng để thai nhi khỏe mạnh, sinh đẻ sẽ thuận lợi. Khi thai nhi được khoảng 6 - 7 tháng, thầy cúng dùng quả trứng gà làm phép soi vào bụng người phụ nữ mang thai, qua đó ông sẽ biết được thai nhi trai hay gái, thuận hay nghịch, rồi tìm phương thuốc chữa trị cho mẹ tròn con vuông vào lúc đẻ (Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái, 2007, tr. 151).

- Khi phụ nữ mang thai sắp đến ngày sinh nở, người chồng dựng một căn chòi tạm bợ, lợp lá tranh hay lá cây đơn giản ở ngoài rừng, gần suối, thậm chí chọn một hang đá,

rồi đưa vợ đến ở chờ ngày sinh đẻ. Tại đây, họ dự trữ một lượng thức ăn và một số đồ dùng trong vòng 30 ngày cho người sắp đẻ. Ở nhóm Rục, người chồng phải làm 5 cái chòi để cho vợ con nằm, trong đó 4 cái đầu, mỗi cái ngủ 5 đêm, riêng cái thứ 5 thì ngủ 10 đêm. Sau khi đẻ xong, người sản phụ có thể tự mình làm vệ sinh cá nhân và chăm sóc đứa bé, và cũng tự chuẩn bị những đồ ăn thức uống cho bản thân.

- Người Chứt quan niệm rằng, người phụ nữ sinh đẻ tại nhà ngay trong bản sẽ gây ra nhiều tai họa cho những người thân và dân bản, bởi vì khi sinh nở, người mẹ và đứa trẻ mang nhiều vía xấu sẽ gây hại cho người khác. Bởi thế, tuy sinh nở trong lán ở rừng hay hang đá nhưng sau khi vừa đẻ xong, sản phụ và đứa bé cần được tắm rửa sạch sẽ để làm sạch vía, đuổi vía xấu ra khỏi cơ thể của hai mẹ con.

- Trước khi về nhà, hai mẹ con phải nấu nước lá thơm (lá thầu dầu, lá cây chàm...) do người chồng hái và nung nóng cùng 10 hòn đá to bằng nắm tay thả vào chậu nước được làm bằng vỏ cây uốn góc. Khi nước trong chậu sôi và bốc hơi, sản phụ cùng con trẻ xông bằng hơi của chậu nước lá đó, khi thấy nước nguội, sản phụ lấy nước tắm rửa sạch sẽ cho cả hai mẹ con để tẩy uế. Về đến nhà, sản phụ và đứa trẻ phải đi qua cửa gian bếp để lên nhà. Sau đó, người chồng chuẩn bị một số lễ vật như rượu, thịt, cơm để cúng trình báo cho tổ tiên ông bà và thần linh biết về đứa bé, một thành viên mới của gia đình.

- Trong thời gian ở cữ khoảng 3 tháng 10 ngày, người chồng phải săn được một con khỉ làm thịt để hai vợ chồng cùng ăn nhằm tránh bị ma quỷ quở phạt hoặc bị rắn cắn (Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái,

2007, tr. 151). Thời gian này, người phụ nữ không đi đâu xa, bà con hàng xóm cũng ít sang chơi, nếu cần trao đổi công việc thì sản phụ phải ngồi phía trong bếp nói vọng ra.

Hiện nay, các nghi lễ liên quan đến sinh đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh ở dân tộc Chứt có sự biến đổi ít nhiều, có thể kể một số như sau:

- Chỉ còn một số ít người Mày duy trì việc nhờ thầy *Pơ Riêng* về cúng cho phụ nữ mang thai và bói xem tình trạng thai nhi.

- Nhiều trường hợp phụ nữ người Chứt được sinh con ngay trong nhà và có sự chăm sóc của cả gia đình. Việc làm chòi để sinh nở đã giảm bớt nhiều, hiện tại chỉ còn một vài trường hợp ở các nhóm Rục, Arem, Mã liêng. Tuy nhiên, trong cộng đồng người dân, tâm lý sợ máu của phụ nữ sinh đẻ vẫn còn khá nặng nề.

- Không ít trường hợp, nhất là ở nhóm người Sách, thai phụ đã đến các cơ sở y tế, bệnh viện để được chăm sóc khi sinh con. Tuy vậy, số ít trong đó khi trở về nhà, người chồng vẫn làm chòi ngoài nương hay dưới sàn nhà cho vợ con ở vài ngày và làm lễ tẩy uế trước khi vào nhà sinh sống.

- Việc tắm nước lá thơm để tẩy trừ uế tạp cho sản phụ và cúng để trình báo cho tổ tiên vẫn được duy trì, nhưng những cấm kỵ trong thời gian ở cữ không còn như trước: không bắt buộc vợ chồng phải ăn thịt khi, việc đến thăm hoặc gặp sản phụ đã được nói lỏng...

1.2. Hôn nhân

Hôn nhân ở tộc người Chứt là thời điểm quan trọng của đời người, nó lưu giữ nhiều lễ nghi phức tạp, cụ thể là:

- Đối với người Chứt, hôn nhân được tiến hành khá sớm. Thông thường, nữ từ 13

tuổi, nam 15 tuổi trở lên được tập quán cho phép yêu đương, không bị ràng buộc hay sợ mang thai.

- Ở các nhóm Sách, Mày và Rục, sau khi cưới có tục sinh đẻ theo ý muốn bằng phương pháp *thối thắt* hoặc *thối mở*. Người con gái khi được thối thắt sẽ không thể có con, nếu muốn có con họ phải tiến hành thối mở. Việc thối thắt hay thối mở chỉ áp dụng cho con gái với phương pháp thối được thực hiện bởi những người thầy cúng thuộc bài chú. Sau khi đọc xong bài chú, thầy cúng thối vào bát nước, điều thuốc hoặc miếng trầu để người phụ nữ uống, hút hoặc ăn. Trong đó, nếu đọc xuôi bài chú là thối mở, còn đọc ngược thì thối thắt. Thường khi làm lễ cưới xong, họ tiến hành thối mở, vì vậy ở người Chứt ít có trường hợp mang thai ngoài ý muốn (Nguyễn Thế Hoàn, 2007, tr. 168).

- Trong tình yêu ở người Chứt, bó củi là một vật linh thiêng và hết sức quan trọng. Nó được coi như lời tỏ tình của người con trai với con gái, đôi khi còn thay cho lời dạm hỏi của nhà trai với nhà gái. Sau khi tìm hiểu và cảm nhận được tình cảm của cô gái, chàng trai mang một bó củi đặt trước nhà cô gái vào lúc đêm khuya thanh vắng. Trường hợp bố mẹ và cô gái đồng ý thì bó củi được mang vào bếp; ngược lại, nếu không đồng ý, bó củi vẫn để nguyên. Khi thấy gia đình nhà gái đun bó củi, chàng trai thưa chuyện với cha mẹ mình để gia đình sang nhà gái làm lễ hỏi. Khoảng hai, ba tháng sau lễ hỏi, đám cưới được tiến hành.

- Lễ vật để hỏi cưới gồm 4 cây nèn bằng sấp ong tự tạo, 2 chai rượu, 1 bát gạo và thịt khỉ sấy khô. Nhà trai, ngoài cha mẹ và anh em nội tộc của mình, còn có ông mối với nhiệm vụ mang các lễ vật đến nhà gái. Bên nhà gái, ngoài gia đình, họ hàng của

minh cũng có ông mối để đón tiếp họ nhà trai. Ông này sẽ thay mặt họ nhà gái nhận các lễ vật mà nhà trai mang đến. Trong khi tiến hành lễ hỏi, cả hai họ nhà trai và nhà gái không nói gì với nhau. Mọi thủ tục bàn bạc và thỏa thuận giữa đôi bên được ủy thác cho hai ông mối. Hai người này cùng trao đổi với nhau về ngày giờ tiến hành làm lễ cưới và các lễ vật cần thiết. Thời gian làm lễ hỏi và cả lễ cưới thường được tổ chức vào buổi chiều hoàng hôn hoặc ban đêm.

- Về lễ cưới, do điều kiện sống và kinh tế còn khó khăn nên được tổ chức đơn giản tại nhà gái. Tuy nhiên, nhà trai phải chuẩn bị toàn bộ lễ vật. Tùy điều kiện từng gia đình, nhà trai thường mang đến nhà gái 1 hoặc 2 con lợn, nếu 2 con thì 1 con dùng để làm lễ mời bà con dân bản đến chia vui, con kia làm thịt cúng thần linh và các loại ma nhà. Sau khi tổ chức ăn uống xong, nhà trai rước cô dâu về nhà, khi đi đường, cô dâu phải đi thụt lùi và cúi đầu. Đến nhà chồng, cô dâu phải vào nhà bằng lối cửa gian bếp, mẹ chồng hoặc chị chồng đi từ buồng ra đón và trao cho cô dâu một món quà bằng tiền bạc hoặc đồ trang sức, và làm lễ nhận dâu. Lễ này được tiến hành ngay tại bếp bằng nghi lễ cúng ma bếp với lễ vật xôi, rượu, thịt... Sau khi cha chú rở cúng trình báo ma nhà tại cột nhà chính (cột *cólóoc* - cột ma), cha mẹ cô dâu chú rể cùng nắm chung đôi đũa cả để nghe cha chú rở thông báo cho tổ tiên và các vị thần biết về thành viên mới của gia đình. Cuối cùng, bà con dân bản cùng chung vui, ăn uống cho đến tờ mờ sáng hôm sau. Tiếp đến, cô dâu phải kiêng ba ngày sau không được sang nhà mẹ đẻ.

Trong bối cảnh hiện nay cùng với xu thế phát triển của xã hội, các nghi lễ trong hôn nhân ở người Chứt đã có một số biến đổi như sau:

- Độ tuổi kết hôn được tuân thủ theo quy định của Nhà nước, tức từ 18 tuổi trở lên; đa số các trường hợp kết hôn đã đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký trước khi tiến hành lễ cưới.

- Tục “thối thắt, thối mở” vẫn còn tồn tại ở nhóm người Rục, còn các nhóm khác không còn duy trì nữa.

- Nam nữ tìm hiểu nhau, nếu người con gái đồng ý, nhà trai đến nhà gái dạm hỏi với lễ vật đơn giản: chỉ một chai rượu nhạt, ít trâu cau, thuốc lá.

- Lễ ăn hỏi với vai trò ông mai bà mối cùng các lễ vật truyền thống đang mất dần, thay vào đó là vòng tay và vòng cổ bằng bạc, thậm chí ở các nhóm Sách, Mày còn đòi hỏi vòng, nhẫn bằng vàng.

- Lễ cưới chỉ cần những lễ vật nhẹ nhàng để cúng ma nhà và ăn uống. Song, trong lễ này, ở một số trường hợp thuộc các nhóm Sách và Mày, cô dâu, chú rể được tặng nhẫn, vòng, hoa tai bằng vàng và họ được mặc trang phục thuê ở tiệm phố thị, đặc biệt là đã có sự trang hoàng nơi làm lễ cưới bằng phong màn, loa đài, ban nhạc với những món ăn hiện đại. Do đó, tục cô dâu đi giạt lùi khi về nhà chồng và lễ cúng ma bếp tại nhà trai đã dần bị loại bỏ.

- Khác với trước đây, sau năm 1986, nhất là hiện nay, bà con người Chứt đến dự lễ cưới bắt đầu mang quà, tiền để mừng đám cưới.

1.3. Tang ma

Cũng như các dân tộc láng giềng, tang ma cũng rất quan trọng trong vòng đời của tộc người Chứt, bởi theo đúng tập quán, ở đó lưu giữ nhiều lễ nghi và tập tục:

- Khi có người chết, con cháu báo cho dân bản biết, rồi dùng vỏ cây lớn bó kín thi

thể và để ở nhà 1 ngày. Nếu chết xấu như bị hổ vồ, cây đè, chết đuối... họ cũng lấy vỏ cây bó kín thể xác và chôn ngay ở một nơi khác ngoài nghĩa địa của làng. Trong thời gian này, con cháu làm gà, lợn và đốt hương trầm, đèn sáp ong để cúng hồn người chết và các thần linh.

- Tiếp đến, con cháu mang thi thể người chết ra khỏi nhà qua cửa sổ gian khách. Theo quan niệm của người Chứt, nếu người chết mà đưa ra khỏi nhà không qua cửa sổ thì coi như không được siêu thoát. Do đó, hồn người chết vẫn còn ở đâu đó quanh nhà nên người sống khó làm ăn, thậm chí con ma của người chết có thể bắt hồn trẻ con, gây ốm đau.

- Người chết bình thường được chôn trong nghĩa địa của bản. Đồng bào quan niệm rằng nghĩa địa phải cách một con suối và ở cuối bản để ma người chết không thể biết đường về nhà. Khi chôn, mộ được đặt theo hướng Tây Bắc và đắp nấm không cao lắm.

- Vừa chôn cất xong, con cháu cần chia phần dụng cụ sinh hoạt và sản xuất cho người chết để ngay trên mộ như gạo, củi, nồi niêu, dao, rựa... Khi đó, thầy cúng đặt dao lên mộ, khấn rồi gieo quẻ bằng tiền đồng xu, trường hợp ma đồng ý với của cải được chia thì cho tiền đồng rơi một sấp một ngửa trên lưỡi dao. Nếu ma chưa chấp thuận, người nhà phải đặt thêm ít của cải lên mộ và thầy cúng lại tung quẻ đến khi được sấp ngửa mới thôi.

- Ba ngày sau, người nhà ra thăm mộ, mở cửa mả và tổ chức gieo quẻ trên lưỡi dao, xin một vật của ma, thường là một nhánh củi khô để mang theo về giữa đường thì ném đi. Về tới nhà, họ lấy nhánh lá cây nhúng nước vẩy khắp nhà để xua ma ra ngoài mộ. Từ đó về sau, họ không thăm viếng hay quan tâm gì đến phần mộ người quá cố nữa, chỉ khi nào

trong nhà có ốm đau thì mới làm cỗ cúng ma người chết.

Hiện nay, tuy người Chứt nơi đây vẫn còn quan niệm về người chết lành, chết xấu nhưng trong quá trình tiến hành tang lễ, đồng bào đã không phân biệt, bỏ nghiêm cấm việc đưa người chết xấu vào nhà, vào làng, đồng thời người chết bất đắc kỳ tử cũng được mai táng ở trong nghĩa địa của làng. Gần đây, họ không còn bó người chết bằng vỏ cây nữa mà đóng hòm gỗ để mai táng người chết.

Trong quá trình tiến hành tang ma, các nghi lễ cơ bản vẫn theo truyền thống, nhưng một số tục lệ đã được bỏ đi, cụ thể như đưa thi thể người chết qua cửa sổ, thầy cúng gieo quẻ để hỏi người chết khi chia của tại mộ, làm phép đuổi hồn ma ra mộ... Ở nhóm người Sách và một vài hộ các nhóm Chứt khác, nhất là hộ mà trong nhà có người làm cán bộ cũng đã bắt đầu thăm viếng, chăm sóc mộ mà tổ tiên vào dịp lễ tết và lập bàn thờ tổ tiên trong nhà.

2. Nguyên nhân của sự biến đổi

Về cơ bản, sự biến đổi lễ nghi liên quan đến vòng đời của người Chứt bắt nguồn từ những nguyên nhân chính dưới đây:

- Thứ nhất, việc giao lưu giữa các tộc người trong khu vực và ảnh hưởng của văn hoá hiện đại, nhất là văn hoá người Việt, cũng như quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một trong những nhân tố cơ bản dẫn đến xu hướng biến đổi lễ nghi liên quan đến vòng đời của người Chứt. Ví dụ, họ đã không làm chòi trong rừng cho sản phụ khi sinh đẻ; khâm liệm người chết trong hòm gỗ, thăm viếng phần mộ sau khi chôn cất, một số gia đình lập bàn thờ tổ tiên ở trong nhà; hôn nhân theo đời sống mới, bỏ nghi lễ đón dâu ở bếp...

- Thứ hai, một trong những nhân tố làm biến đổi lễ nghi vòng đời ở dân tộc Chứt phải kể đến là sự tuyên truyền động viên của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương, sự tác động từ phía Nhà nước với hệ thống các chính sách, các chương trình, dự án được thực hiện ở vùng người Chứt. Điều đó đã tạo nên sự phát triển về cơ sở hạ tầng, bùng nổ thông tin, phương tiện truyền thông và đặc biệt là quá trình thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đã kéo theo sự biến đổi nghi lễ vòng đời của tộc người Chứt. Đó là: vai trò thầy cúng trong sinh đẻ đã giảm đi, sản phụ đã đến trạm xá đẻ sinh đẻ; trong hôn nhân và tang ma, các lễ nghi và tập tục mang tính không cần thiết dần được loại bỏ như không cho cô dâu vào cửa chính, phân biệt người chết xấu, sợ hãi và làm lễ đuổi tà ma...

- Thứ ba, do điều kiện cuộc sống vật chất của cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi đây, trong đó có người Chứt được cải thiện dần nên người dân mong muốn tự thay đổi những phong tục tập quán không còn phù hợp, làm nảy sinh tâm lý thay đổi các nghi lễ truyền thống. Chẳng hạn trong cưới hỏi, đồng bào đã thích theo đời sống mới có âm ly, hát nhạc trẻ, trang phục cô dâu chú rể phải hiện đại, thưởng thức các món ăn, đồ uống mới... và như vậy tất yếu dẫn đến sự thay đổi các nghi lễ cúng ma nhà, đón dâu, lại mặt, kể cả các lễ vật cưới hỏi.

Rõ ràng, quá trình biến đổi nghi lễ vòng đời của dân tộc Chứt được bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Trong đó, giao lưu văn hoá, sự tác động của các chương trình dự án và việc người dân muốn thay đổi là những nhân tố cơ bản nhất.

3. Tác động của sự biến đổi các nghi lễ vòng đời người

Những sự biến đổi các nghi lễ vòng đời của dân tộc Chứt đang ngày càng mạnh theo xu hướng phát triển của xã hội đã và đang có những tác động tích cực và hạn chế đối với đời sống xã hội của đồng bào.

3.1. Mặt tích cực

Hiện nay, trong những ngày sắp sinh con, người phụ nữ Chứt không phải sinh sống và đẻ ở ngoài chòi hoặc dưới nhà sàn nữa. Họ đã được sinh nở ở trong nhà, và tại các cơ sở y tế của địa phương. Bên cạnh đó, việc chăm sóc con cái và bà mẹ vào thời gian trước, trong và sau khi sinh không còn phụ thuộc vào các lễ cúng của thầy mo và ăn kiêng. Khi thai phụ, sản phụ và trẻ nhỏ bị đau ốm đã được đưa đến bệnh viện để khám và chữa trị.

Trong lĩnh vực hôn nhân, tiêu chí chọn bạn đời của các chàng trai, cô gái người Chứt đã được mở rộng hơn, hạn chế được việc tảo hôn. Do đó, đã dần dần đưa việc hôn nhân của đồng bào theo đúng quy định trong Luật Hôn nhân của Nhà nước về độ tuổi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã trước khi tiến hành lễ cưới. Do bỏ được các tục lệ bắt cô dâu đi giặt lùi, vào cửa bếp nhà chồng, nhất là việc tiếp thu các yếu tố mới khi tổ chức đám cưới về lễ vật, trang trí phòng cưới, món ăn thức uống... nên đã từng bước làm cho hôn nhân của đồng bào sánh chung với xu thế hiện đại, hòa đồng với nhiều tộc người trong vùng.

Tang ma là một lĩnh vực mang nhiều lễ nghi và tập tục nặng nề. Song, đối với người Chứt, ngày nay cũng đã có những thay đổi đáng kể thể hiện trên nhiều khía cạnh, như các lễ nghi chia của, gieo quẻ xin ý kiến người chết, làm phép đuổi hồn ma, chặn đường

không cho linh hồn người chết về quây phá con cháu không còn nữa. Những thay đổi này đã làm cho đồng bào mở rộng hơn kiến thức ứng xử với người chết bằng cách lập bàn thờ cúng tại nhà, đi thăm nom mộ... đặc biệt là giữ gìn được vệ sinh môi trường và phòng bệnh khi thực hiện đám tang.

Những thay đổi đó từng bước làm chuyển biến nhận thức của đồng bào, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của người dân theo hướng hiện đại.

3.2. Mặt tiêu cực

Bên cạnh những tích cực, sự biến đổi trong các nghi lễ vòng đời của dân tộc Chứt cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực. Ví dụ như trong hôn nhân trước đây, nam nữ thường tặng cho nhau những vật kỷ niệm bằng vòng bạc, chuỗi cườm... thì ngày nay đã xuất hiện các vật dụng mới dùng để làm quà, thậm chí cả trang sức bằng vàng; bà con đến dự lễ cưới đã bắt đầu tặng tiền, hiện vật có giá trị. Những tặng vật đó đã không chỉ làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào mà còn làm nảy sinh sự thương mại hóa hôn nhân, tạo nên sự phân biệt giàu nghèo, sau lễ cưới cô dâu chú rể hoặc nhà trai có thể rơi vào tình trạng nợ nần...

Sự biến đổi theo xu hướng đơn giản hóa các lễ vật, lễ nghi trong sinh đẻ, hôn nhân, hoặc tang ma, một mặt làm cho các nghi lễ bớt đi tính rườm rà, tốn kém công sức và thời gian của người dân, nhưng mặt khác, nó làm cho những phong tục tập quán mang đậm tính nhân văn dần bị mai một và lãng quên, do đó đời sống văn hóa của đồng bào sẽ càng trở nên “nghèo” đi. Đây là một bài toán khó cho việc bảo tồn, bởi vì văn hóa truyền thống của các nhóm địa phương thuộc dân tộc Chứt vốn đã bị mai một đi rất nhiều.

4. Những biện pháp bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống qua nghi lễ vòng đời

Để có thể bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống mang đậm tính nhân văn thể hiện qua nghi lễ vòng đời của tộc người Chứt, thiết nghĩ các nhà quản lý và chính quyền, đoàn thể địa phương cần làm tốt những biện pháp như sau:

Thứ nhất, phải tiếp tục nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào, tạo điều kiện cho họ dù ở vùng xa xôi hẻo lánh vẫn có thể tiếp cận được với các phương tiện thông tin hiện đại, do đó cần linh hoạt đưa các hoạt động thông tin, tuyên truyền về tận thôn bản, nhằm giáo dục nâng cao nhận thức của người dân, loại bỏ dần các tập tục không còn phù hợp. Tuy nhiên, khi vận động đồng bào phải nắm vững nguyên tắc tự nguyện, tránh trường hợp bà con bị cưỡng ép. Bởi vì phong tục tập quán là những vấn đề liên quan đến cộng đồng, ăn sâu trong tiềm thức con người, rất khó để thay đổi. Chỉ khi tư tưởng của người dân được nâng cao, họ nhận thức được những lạc hậu thì khi đó cuộc vận động mới có kết quả.

Thứ hai, phải làm tốt việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống còn lại ít ỏi ở đồng bào thể hiện qua lễ tục vòng đời người, bằng cách xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác tuyên truyền, giáo dục rộng rãi cho người dân về ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống, như trong hôn nhân cần tìm hiểu cơ sở khoa học của tục *thối thắt* và *thối mở*, hay cần loại bỏ việc ăn uống linh đình trong lễ cưới, đảm bảo cho thanh niên nam nữ tìm hiểu yêu đương...

Nghi lễ tang ma của tộc người Chứt tuy ít biến đổi, nhưng lại là nghi lễ nặng nề và chứa nhiều yếu tố cần loại bỏ. Do đó, cần có đội ngũ cán bộ cơ sở vận động bà con đơn giản hóa các nghi lễ tang ma, giảm bớt những

lễ nghi phiền phức, tổ chức hình thức tang ma phù hợp với đời sống mới nhưng vẫn thỏa mãn được nhu cầu tình cảm, tín ngưỡng của người dân.

Thứ ba, nâng cao trình độ dân trí của đồng bào. Đây là biện pháp cực kỳ quan trọng nếu không nói là quan trọng nhất, bởi lễ trình độ nhận thức ảnh hưởng quyết định đến việc tiếp thu cái mới, cái tiến bộ. Thực tế cho thấy, việc nhận thức được cái không phù hợp cần loại bỏ, cái hay cần học tập trong các nghi lễ vòng đời người là một điều không đơn giản, vì rằng đồng bào dân tộc Chứt từ lâu đã quen sống với những phong tục tập quán cũ, tình trạng mù chữ còn phổ biến trong lớp người lớn tuổi. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của họ trong việc xóa bỏ những tập tục quán cũ, tiếp thu cái mới phù hợp của thời đại.

Bên cạnh việc nâng cao dân trí của người dân, phải kết hợp với hoạt động truyền thông phổ biến về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phổ biến Luật Hôn nhân và Gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, giảm bớt những lễ nghi rườm rà tốn thời gian, công sức của nhân dân...

Thứ tư, trong bối cảnh hiện nay, cần tăng cường mối quan hệ giữa các nhóm thuộc tộc người Chứt và các dân tộc khác trong khu vực, đặc biệt là với người Việt. Trên cơ sở mở rộng các quan hệ đó, đồng bào có điều kiện nhìn nhận những cái không phù hợp, lỗi thời trong các lễ tục vòng đời người của dân tộc mình. Hơn thế nữa, việc mở rộng quan hệ còn giúp đồng bào Chứt có điều kiện hỗ trợ, bổ sung những cái hay, cái đẹp trong lễ tục vòng đời của các dân tộc khác vào kho tàng văn hoá của dân tộc mình.

Tóm lại, những biến đổi trong nghi lễ vòng đời của dân tộc Chứt đang có những tác

động về nhiều mặt, không chỉ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội mà cả lĩnh vực kinh tế trong đời sống của đồng bào. Chính những biến đổi ấy từng bước loại bỏ các yếu tố không còn phù hợp với cuộc sống hiện nay, bổ sung dần vào kho tàng văn hóa truyền thống người Chứt những sắc thái mới theo xu thế phát triển của thời đại. Đồng thời, mang đến những tác động tích cực đối với đời sống kinh tế của cả dân tộc Chứt, góp phần giảm bớt những kiêng kỵ, nghi lễ không cần thiết để người dân tập trung nhiều hơn vào sản xuất, xoá đói giảm nghèo...

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình (2008), *Sổ tay công tác dân tộc*, Sở Thông tin và Truyền thông xuất bản, Đồng Hới.
2. Cadriere L., (1905), *Les hautes vallees du song Gianh*, B.E.F.E.O, T.V.
3. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Đức Dương, Hà Văn Tấn (1978), “Về ngôn ngữ tiền Việt - Mường”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 65.
5. Nguyễn Thế Hoàn (2007), *Nghiên cứu bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc vùng Phong Nha - Kẻ Bàng* (Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp tỉnh năm 2006).
6. Tạ Long (1975), “Về mối quan hệ cộng đồng tộc người giữa ba nhóm Mày, Rục, Sách”, trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Mạnh (1996), *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
8. Nguyễn Phú Phong, Trần Chí Dồi, M. Ferlus (1988), *Lexique Vietnammien - Ruc*, Francais, Universite de Paris VII.
9. Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái (2007), *Hoa trên đá núi*, Nxb Thống kê, Hà Nội.